

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 135/2024/HS-PT

Ngày: 31-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Mạnh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hà;

Bà Phạm Thị Thúy Mai.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên toà:**
Bà Bùi Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vinh Phúc, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2024/TLPT-HS ngày 28 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Văn S, Vương Văn Q, Trần Văn C do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2024.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Quang K, sinh ngày 16/9/1993, tại xã Q, huyện S, tỉnh Vinh Phúc; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện S, tỉnh Vinh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị B; có vợ là Đặng Ngọc L và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/12/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Ninh Văn H, sinh ngày 12/6/1998, tại xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ninh Văn N và bà Phan Thị Q1; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 001656/QĐ-XPHC ngày 12/3/2021 của Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt về

hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác bằng hình thức phạt tiền 2.000.000đồng. Bị cáo chưa chấp hành nộp phạt. Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã đơn đốc đến ngày 18/9/2021 nhưng không ra quyết định cưỡng chế thi hành quyết định (được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Trần Văn S, sinh ngày 26/02/1998, tại xã T, huyện P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản T, xã T, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T1; vợ là Lương Thị N1 (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HS-ST ngày 26/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 19/9/2020, Trần Văn S chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 14/7/2020, Trần Văn S chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm (đã được xóa án tích).

Ngày 19/3/2024, Trần Văn S thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 83/2024/HSST ngày 12/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội xử phạt 09 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/3/2024 trong vụ án khác. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

4. Vương Văn Q, sinh ngày 05/9/1994, tại xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn Đ và bà Đào Thị T2; có vợ là Khổng Thị H2 và có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2023 cho đến nay (có mặt).

5. Trần Văn C, sinh ngày 20/12/1994, tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3 và bà Trần Thị H4; có vợ là Nguyễn Thị Hải N2 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/9/2023 cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Ninh Văn H*: Ông Phan Ngọc Q2, sinh năm 1976 - Luật sư Văn Phòng L1. Địa chỉ nơi làm việc: Số F, ngách A H, phường V, quận L, thành phố Hà Nội, có mặt.

Trong vụ án còn có một số bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không liên quan tới kháng cáo, tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 03/2023, Lê Quang K thuê lại quán hát Karaoke Bờ Sông của bà Trần Thị H5, sinh năm 1970, trú tại thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để làm địa điểm kinh doanh quán hát Karaoke. Sau đó, K thuê Ninh Văn H làm nhân viên quản lý; thuê Lò Văn H6 làm nhân viên dọn vệ sinh, bung bê hoa quả, nước và thuê Lò Phương T3; Trần Thị Y; Trần Thị O, sinh năm 2000, trú tại xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; Đặng Thị K1, sinh năm 1995, trú tại xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái và một số nhân viên khác không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể làm nhân viên phục vụ phòng hát. K cho phép khách và nhân viên nữ phục vụ sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát tại quán và chỉ đạo Ninh Văn H thu tiền của khách cụ thể: Đối với khách đến quán hát và sử dụng trái phép chất ma túy (bay) thu tiền phòng bay là 350.000đồng/giờ, thu tiền mỗi nhân viên phục vụ phòng bay 250.000đồng/giờ; đối với khách đến quán H8 không sử dụng ma túy thu tiền phòng 180.000đồng/giờ, thu tiền mỗi nhân viên phục vụ phòng hát 180.000đồng/giờ. Đồng thời, K cho Trần Văn S phụ giúp việc đưa đón nhân viên đi phục vụ tại các quán hát khác.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 21/9/2023, sau khi ăn uống tại huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xong, do biết Lê Quang K cho phép khách và nhân viên phục vụ sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát tại quán nên Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C rủ nhau đến quán H9 để hát và sử dụng trái phép chất ma túy, tiền mua ma túy và tiền phòng hát chia đều cho mỗi người. Sau khi thống nhất, T4 sử dụng ứng dụng mạng xã hội M1 gọi điện video từ tài khoản của T4 là “Trần Tiến T4” cho K tên tài khoản “Kiên J” đặt phòng hát để sử dụng ma túy thì K đồng ý và bảo nhóm T4 cứ đến quán. Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến quán H9 thì T4, M, Q, C gặp Ninh Văn H và Trần Văn S đang ở quán. Sau đó, T4 hỏi S giá bán ma túy K2 và ma túy kẹo thì S báo giá 1.500.000đồng một chỉ ma túy Ketamin, 300.000đồng một viên ma túy kẹo. T4 mặc cả ma túy Ketamin xuống giá 1.300.000đồng một chỉ nhưng S không đồng ý nên nhóm T4, M, Q, C thống nhất mua của S 02 chỉ ma túy K2 và 04 viên ma túy kẹo để tổ chức sử dụng ma túy trong phòng hát. Trong lúc nhóm của T4 thỏa thuận mua ma túy với S thì Ninh Văn H xếp phòng VIP2 cho nhóm T4 vào hát. Sau đó nhóm T4, M, Q, C vào phòng hát VIP2 được khoảng 05 phút thì M ra quầy lễ tân gặp S và lấy 02 chỉ ma túy Ketamin, 04 viên ma túy kẹo để trong vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng. M cầm ma túy mang vào phòng đổ ra mặt bàn trong phòng hát VIP2 rồi cầm 04 viên ma túy kẹo chia cho T4, C, Q mỗi người một viên. Sau đó, Q, T4, C, M cho ma túy kẹo vào mồm uống cùng nước cocacola có sẵn trong phòng. Sử dụng ma túy kẹo xong, M thấy trên mặt bàn của phòng hát có sẵn 01 đĩa sứ màu trắng và trên mặt đĩa sứ có 01 thẻ nhựa để xào ma túy Ketamin. M bỏ chiếc thẻ nhựa ra mặt bàn và cầm đĩa sứ đi ra ngoài phòng lễ tân để tìm dụng cụ đốt hơi nóng đĩa thì gặp S. S bảo M “Để em đốt cho”. M đưa chiếc đĩa sứ cho S rồi quay lại phòng hát. Lúc này, Q nói với cả nhóm gọi nhân viên của quán hát vào sử dụng ma túy cùng anh em cho vui thì tất cả đồng ý. Sau đó, Q đi ra ngoài báo cho Ninh Văn H cho hai nhân viên vào

phòng hát. H đồng ý rồi vào phòng nhân viên gọi Lò Phương T3 và Trần Thị Y vào phòng VIP2 phục vụ. T3 và Y trang điểm rồi đi sang phòng VIP2 phục vụ thì gặp Q đi vệ sinh, Q hỏi “Hai đứa chơi kẹo không?”, T3 và Y gật đầu đồng ý nên Q nói “Ra bảo S đưa cho 01 viên mà chơi” nên T3 ra quầy lễ tân gặp S lấy 01 viên ma túy kẹo (tính tiền cho phòng hát của Q) rồi vào phòng hát bẻ đôi viên ma túy kẹo đưa cho Y nửa viên, sau đó T3 và Y mỗi người uống nửa viên cùng nước cocacola.

Sau khi hơi nóng đĩa sứ xong, S cầm đĩa sứ vào phòng hát, đặt lên mặt bàn rồi đi ra ngoài. Tiếp theo, M lấy 01 chỉ ma túy Ketamin trong túi nilon đổ lên mặt đĩa, C cầm điện thoại để soi đèn cho M dùng thẻ nhựa dằm, miết mịn ma túy ketamin (xào Ke). Khi đang xào ma túy ketamin, M bảo C cuốn ống hút (tẩu) nhưng không ai có tiền polime nên sau khi xào ma túy ketamin xong, M đi ra quầy lễ tân của quán hát gặp S hỏi tẩu để sử dụng ma túy. S chỉ vào chỗ H đang đứng ở trong quầy và bảo H đưa cho M ống hút nhựa thay tẩu, H đồng ý và cầm 01 ống hút có sẵn trong quầy đưa cho M. M cầm ống hút nhựa vào trong phòng hát và sử dụng ống hút để hít các đường ma túy ketamin đã được kẻ thành đường chỉ. Sau đó, C, T4, Q cũng tự đến đĩa sứ có ma túy ketamin sử dụng. Sau khi Lò Phương T3 và Trần Thị Y vào phòng hát và sử dụng ma túy kẹo xong; Q đi vệ sinh xong quay lại phòng hát, khi đến cửa phòng gặp S, S nói đã đưa 01 viên ma túy kẹo cho T3. Q vào phòng hát hỏi Y và T3 đã chơi kẹo chưa, T3 và Y gật đầu xác nhận đã sử dụng rồi. Do việc sử dụng ống hút để hít ma túy ketamin không hưng phấn nên Q bảo T3 đi ra ngoài tìm cho Q tờ tiền để quán tẩu để sử dụng ma túy ketamin. Thùy đi ra ngoài xin H 01 tờ tiền nhưng H nói không có thì T3 vào phòng của chị Lò Thúy H7 (là chị họ của Lò Phương T3 sống chung cùng Lê Quang K ở quán) tìm được 01 tờ tiền polime mệnh giá 20.000đồng trong túi sách của chị H7 để trong phòng. T3 cầm tờ tiền 20.000đồng vào phòng hát đưa cho Q quán thành ống hút (tẩu). Sau khi cuốn tẩu xong, Q vẫy T3 sang cho T3 sử dụng 02 đường ma túy ketamin, Q cũng sử dụng thêm ma túy ketamin rồi để tẩu trên đĩa cho Y, T4, C, M dùng để hít ma túy ketamin và cùng nhau nhảy theo nhạc. Nhóm T4, M, Q, C cùng các nhân viên T3, Y sử dụng ma túy, nhảy bay lắc theo nhạc đến 16 giờ 50 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc vào kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang. Tại thời điểm bắt giữ, Lê Quang K không có mặt tại quán hát còn Trần Văn S bỏ chạy thoát. Cơ quan điều tra đã thu giữ: Trên mặt bàn kính để hoa quả, nước ngọt gần cửa phòng VIP2 (bên trái hướng từ cửa vào) 02 gói nhỏ gồm: 01 túi nilon màu trắng, khóa bấm màu trắng, viên màu đỏ, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng, dạng đá, nghi là ma túy; 01 túi nilon màu trắng, khóa bấm màu trắng, viên đỏ, bên trong có bấm dính chất màu trắng, nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A1; 01 ống hút bằng nhựa màu trắng, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A2; 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ cứng màu trắng in chữ V, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A3; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng; 01 quyển hóa đơn thanh toán ghi chép giờ hát cùng nhân viên; 01 đầu lưu dữ liệu camera nhãn hiệu ALHUA, hình vuông, màu đen; 01 điện thoại Iphone 11, màu đen, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0386327343 của Trần Tiến T4 được niêm phong trong phong bì thư kí

hiệu A4; 01 điện thoại Iphone Xs Max, màu vàng gold, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0862225758 của Trần Văn C, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A5; 01 điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh rêu, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0333330498 của Đỗ Văn M, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A6; 01 điện thoại Iphone 7 Plus, màu vàng, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0839113333 của Vương Văn Q, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu A7.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ mẫu nước tiểu của Trần Tiến T4 (ký hiệu A10), Trần Văn C (ký hiệu A11), Đỗ Văn M (ký hiệu A12), Vương Văn Q (ký hiệu A13), Lò Phương T3 (ký hiệu A14), Trần Thị Y (ký hiệu A15), Lò Văn H6 (ký hiệu A16), Ninh Văn H (ký hiệu A17), Đặng Thị K1 (ký hiệu A18), Lò Thúy H7 (ký hiệu A19), Trần Thị O (Ký hiệu A20), Nguyễn Việt C1, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (ký hiệu A21).

Đến ngày 27/12/2023, Cơ quan điều tra đã bắt được Lê Quang K đồng thời thu giữ 01 chiếc điện thoại Iphone X đã qua sử dụng của Lê Quang K để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 19/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, thành phố Hà Nội thông báo về việc bắt quả tang đối với Trần Văn S về hành vi mua bán trái phép chất ma túy tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Ngày 28/03/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố bị can, lệnh tạm giam đối với Trần Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tại Kết luận giám định số 2651/KL-KTHS ngày 26 tháng 9 năm 2023, Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận:

“Các tinh thể dạng đá màu trắng trong túi nilon màu trắng, khóa bấm màu trắng, viên đỏ của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 1,2603g (một phẩy hai sáu không ba gam), không kê bao bì.

Chất bám dính màu trắng trong túi nilon màu trắng khóa bấm màu trắng, viên đỏ của mẫu A1 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng do tồn tại ở dạng vết.”

Tại Kết luận giám định số 2648/KLGD-KTHS ngày 26 tháng 9 năm 2023, Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận:

“Ống hút nhựa màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine.

01 đĩa sứ màu trắng có trong mẫu ký hiệu A3 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine.

01 thẻ cứng có trong mẫu ký hiệu A3 gửi giám định có bám dính chất ma túy, loại Ketamine.”

Tại Kết luận giám định số 2675/KL-KTHS; số 2674/KL-KTHS; số 2673/KL-KTHS; 2672/KL-KTHS ngày 29 tháng 9 năm 2023, Phòng K3 Công

an tỉnh V kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng được xác định là mẫu nước tiểu thu của Trần Tiến T4, của Trần Văn C, Đỗ Văn M, Vương Văn Q.

Tại Kết luận giám định số 2682/KL-KTHS; số 2670/KL-KTHS; số 2671/KL-KTHS; số 2682/KL-KTHS ngày 29 tháng 9 năm 2023, Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận: “Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng được xác định là mẫu nước tiểu thu của Lò Phương T3, sinh ngày 21/02/2008, nơi cư trú: Bản N, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La (ký hiệu A14) gửi giám định; của Trần Thị Y, sinh năm 2002, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu A15); của Đặng Thị K1, sinh năm 1995, nơi cư trú: Thôn G, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 2680/KL-KTHS; số 2681/KL-KTHS ngày 29 tháng 9 năm 2023, Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận: “Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, Heroin, MDMA, Methamphetamine, Ketamine, 2C-B và TFMPP) trong mẫu chất lỏng màu vàng được ghi là mẫu nước tiểu thu của Lò Văn H6, sinh năm 2001, nơi cư trú: Bản N, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La (ký hiệu A16), của Ninh Văn H gửi giám định.

Tại Kết luận giám định số 2666/KL-KTHS; số 2667/KL-KTHS ngày 28 tháng 9 năm 2023 và số 2665/KL-KTHS ngày 29 tháng 9 năm 2023 Phòng K3 Công an tỉnh V kết luận: “Không tìm thấy chất ma túy thường gặp (Morphine, Heroin, MDMA, Methamphetamine, Ketamine, 2C-B và TFMPP) trong mẫu chất lỏng màu vàng được ghi là mẫu nước tiểu thu của: Trần Thị O, sinh năm 2000, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang (ký hiệu A20); của Lò Thúy H7, sinh năm 2003, nơi cư trú: Bản nhọt 2, xã G, huyện P, tỉnh Sơn La (ký hiệu A19) và của Nguyễn Việt C1, sinh năm 1996, nơi cư trú: Thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (ký hiệu A21) gửi giám định.

Quá trình kiểm tra quyền hóa đơn thanh toán ghi chép khách hát và giờ phục vụ của nhân viên của Ninh Văn H thể hiện từ ngày 01/9/2023 đến ngày 21/9/2023 tổng cộng 34 hóa đơn thanh toán, trong đó có 22 hóa đơn thanh toán ghi thu mức thu tiền phòng là 350.000đồng/giờ, tiền nhân viên 250.000đồng/giờ (mức thu đối với phòng hát có sử dụng trái phép chất ma túy, bay); 07 hóa đơn thanh toán ghi mức thu tiền phòng là 180.000đồng/giờ, tiền nhân viên 180.000đồng/giờ (mức thu đối với phòng hát thường không sử dụng ma túy); 04 hóa đơn thanh toán ghi không đủ thông tin, 01 hóa đơn thanh toán của phòng VIP2 ngày 21/9/2023 chưa ghi đủ thông tin do Cơ quan Công an bắt quả tang.

Tại biên bản mở niêm phong và kiểm tra 01 đầu lưu dữ liệu camera nhãn ALHUA, hình vuông, màu đen hồi 14 giờ 35 phút ngày 06/11/2023 thể hiện: Bên trong đầu lưu dữ liệu camera nhãn hiệu ALHUA, hình vuông, màu đen không có thẻ nhớ, ổ đĩa cứng để lưu giữ liệu.

Tại biên bản kiểm tra điện thoại Iphone 11, màu đen, IMEI: 35512553 6818186, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0386.327.343 của Trần Tiến T4 được niêm phong trong phong bì thư kí hiệu A4 hồi 16 giờ 16 phút ngày 23/9/2023 thể hiện:

“Kiểm tra nhật ký cuộc gọi hiển thị trên điện thoại trong ngày 21/9/2023: Kiểm tra cuộc gọi đi: có 06 cuộc gọi đi từ điện thoại của T4 cho K có tên K jessica qua ứng dụng Messenger, trong đó có 04 cuộc gọi âm thanh và 02 cuộc gọi video, cụ thể:

04 cuộc gọi âm thanh:

- + Hồi 15 giờ 44 phút, có thời lượng cuộc gọi đi: 12 giây;
- + Hồi 16 giờ 08 phút, có thời lượng cuộc gọi đi: 21 giây;
- + Hồi 16 giờ 09 phút, có thời lượng cuộc gọi đi: 46 giây;
- + Hồi 16 giờ 17 phút, Cuộc gọi bị hủy;

02 cuộc gọi video:

- + Hồi 15 giờ 40 phút, có thời lượng cuộc gọi đi: 01 phút;
- + Hồi 16 giờ 27 phút, có thời lượng cuộc gọi đi: 28 giây”;

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại Iphone Xs Max, màu vàng gôn, IMEI: 357274096635099, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0862225758 của Trần Văn C; điện thoại Iphone 11 Pro Max, màu xanh rêu, IMEI 35391810179341, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0333330498 của Đỗ Văn M; điện thoại Iphone 7 Plus, màu vàng, IMEI 355837086104003, bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0839113333 của Vương Văn Q; điện thoại Iphone X, màu đen, số IMEI 353054099014318 bên trong lắp thẻ sim Viettel số 0336662236 của Lê Quang K, kết quả không phát hiện cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, tin nhắn liên quan.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương đã tuyên bố các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Quang K 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 27/12/2023);

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Ninh Văn H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/9/2023);

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, buộc bị cáo Trần Văn S chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09

(chín) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 83/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, buộc Trần Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 20 (hai mươi) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/3/2024).

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Vương Văn Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2023).

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn C 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2023).

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt Trần Tiến T4 08 (tám) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/9/2023).

Ngoài ra, tòa sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, tài sản có liên quan; quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2024 bị cáo Đỗ Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 01/11/2024, bị cáo M rút toàn bộ đơn kháng cáo. Tại Quyết định số 12/2024/HSPT-QĐ ngày 09/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm, Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với bị cáo Đỗ Văn M có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, bị cáo Lê Quang K có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 30/9/2024, bị cáo Trần Văn S có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án và xin được giảm nhẹ hình phạt. Ngày 02/10/2024, các bị cáo Ninh Văn H, Trần Văn C, Vương Văn Q cùng có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S, Ninh Văn H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bị cáo Trần Văn C, Vương Văn Q tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của các bị cáo, phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Trần Văn C, Vương Văn Q.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S, Ninh Văn H, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S, Ninh Văn H.

Bào chữa cho bị cáo H, Luật sư Q trình bày: Việc xét xử các bị cáo là

đúng người đúng tội nhưng bị cáo H có vai trò đồng phạm giản đơn không phải đồng phạm có tổ chức, bị cáo H chỉ bố trí phòng và cho nhân viên vào phục vụ phòng, cung cấp ống hút ma túy, không đưa nhân viên phục vụ vào phòng để sử dụng ma túy cùng các bị cáo. Ngoài ra, H đã từng có thời gian phục vụ trong quân đội; hoàn cảnh gia đình khó khăn, trong thời gian bị cáo H bị tạm giam bố đẻ bị cáo H do mắc bệnh hiểm nghèo nên đã chết, bị cáo chưa có vợ, con. Mức hình phạt cấp sơ thẩm quyết định với bị cáo là cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo H để bị cáo yên tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Văn S, Vương Văn Q, Trần Văn C làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét giải quyết.

[2] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự, các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án đã đầy đủ, có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Vương Văn Q, Trần Văn C tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo. Tại phiên tòa các bị cáo K, H, S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo K, S, H tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, các kết luận giám định cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 16 giờ 00 phút, ngày 21/9/2023, tại phòng hát VIP2 của quán H9 thuộc thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C là khách của quán hát, đã thực hiện hành vi bố trí địa điểm, cung cấp ma túy, tổ chức cho chính bản thân Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C và Lò Phương T3, sinh ngày 21/02/2008 (15 tuổi 7 tháng 00 ngày); Trần Thị Y sử dụng trái phép chất ma túy. Lê Quang K là chủ quán H9 thuộc thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Lê Quang K thuê Ninh Văn H làm quản lý quán hát cho K và tuyển nhân viên phục vụ gồm Lò Phương T3, Trần Thị Y và một số nhân viên khác. Lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng, Lê Quang K cho phép khách và nhân viên phục vụ sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát tại quán, đồng thời chỉ đạo Ninh Văn H thu tiền của khách hát ở phòng có sử dụng ma túy cao hơn phòng hát thường. Trong ngày 21/9/2023, Lê Quang K và Ninh Văn H đã thực hiện hành vi cung cấp địa điểm, cung cấp dụng cụ cho các đối tượng trong

phòng hát VIP 02 sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo Lê Quang K và Ninh Văn H đồng phạm với các bị cáo Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trần Văn S được Lê Quang K cho phép ở tại quán hát Karaoke Bờ Sông phụ giúp việc đưa đón nhân viên đi phục vụ tại các quán hát khác. Ngày 21/09/2023, Trần Văn S đã có hành vi bán trái phép 02 chỉ ma túy ketamin và 05 viên ma túy MDMA (ma túy kẹo) cho nhóm của Trần Tiến T4 để mang vào trong phòng hát VIP2 của quán H9 thuộc thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo Trần Văn S đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, Trần Văn S, Ninh Văn H còn có hành vi cung cấp dụng cụ như ống hút nhựa và hơi nóng đĩa sứ để cho nhóm Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C và các nhân viên Lò Phương T3, Trần Thị Y sử dụng trái phép chất ma túy MDMA và Ketamin trong phòng hát VIP2 tại quán H9 thuộc thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Hành vi của bị cáo Trần Văn S đồng phạm với các Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do khi nhóm của T4, M, Q, C, Lò Phương T3 và Trần Thị Y đang sử dụng thì bị bắt quả tang nên khối lượng ma túy chỉ còn lại 1,2603gam loại Ketamine. Các bị cáo đều khai nhận nếu chưa bị bắt sẽ tiếp tục sử dụng hết số ma túy còn lại cho đến hết lượng ma túy còn lại.

Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các bị cáo khác; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với Kết luận giám định của Phòng K3 Công an tỉnh V; phù hợp với Biên bản sự việc cùng vật chứng thu giữ được. Như vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Tiến T4, Đỗ Văn M, Vương Văn Q, Trần Văn C đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo Trần Văn S đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương; xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy; xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người; làm quần chúng nhân dân bất bình, lên án. Từ việc sử dụng trái phép ma túy còn là nguyên nhân dẫn đến nhiều tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật, hay tội phạm khác. Do vậy, cần phải xử cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Vương Văn Q, Trần Văn C tự nguyện rút toàn bộ đơn kháng cáo. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Q, C. Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với các bị cáo Vương Văn Q, Trần Văn C có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm.

[5] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H, Trần Văn S, Hội đồng xét xử thấy rằng: các bị cáo K, H, S đều nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện; các bị cáo tổ chức cho nhiều người sử dụng ma túy trái phép và cho người từ 13 đến dưới 18 tuổi sử dụng ma túy trái phép nên cần xử phạt nghiêm.

Bản án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết của vụ án và xét xử các bị cáo Lê Quang K, Ninh Văn H về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Văn S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, là đúng người đúng tội không oan sai. Các tình tiết về nhân thân, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được cấp sơ thẩm áp dụng đầy đủ. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình tình tiết giảm nhẹ nào mới. Bị cáo K là chủ quán hát Karaoke, cho các đối tượng H, S bố trí, sử dụng phòng hát để các đối tượng sử dụng trái phép ma túy tại nơi bị cáo quản lý. Bị cáo S là người giúp K quản lý quán, có nhân thân xấu và S đã thực hiện hai hành vi trong vụ án này là mua bán trái phép ma túy và giúp sức cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, mức hình phạt tòa án cấp sơ thẩm quyết định đối với các bị cáo Lê Quang K và Trần Văn S là phù hợp, không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Ninh Văn H là đồng phạm giúp sức cho việc sử dụng trái phép chất ma túy, mức độ tham gia hạn chế, bản thân từng có thời gian phục vụ trong quân đội, bố đẻ vừa chết, nhân thân tốt. Thấy rằng mức hình phạt đối với bị cáo H bằng bị cáo S về tội “Tổ chức sử dụng trái phép ma túy” (08 năm 06 tháng tù) là có phần nghiêm khắc nên cần giảm cho bị cáo H một phần hình phạt như vậy là thể hiện tính nghiêm khắc, phân hóa vai trò, nhân thân của các bị cáo trong vụ án.

[6] Đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn M: ngày 23/9/2024, bị cáo Đỗ Văn M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 01/11/2024, bị cáo M có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Tại Quyết định số 12/2024/ HSPT-QĐ ngày 09/12/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định Đình chỉ xét xử phúc thẩm, Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2024/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với bị cáo Đỗ Văn M có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

[7] Kháng cáo của các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Do kháng cáo của bị cáo Ninh Văn H được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị cáo H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Vương Văn Q, Trần Văn C. Bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS-ST ngày 16/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với các bị cáo Vương Văn Q, Trần Văn C có hiệu lực pháp luật kể từ ngày quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm, ngày 31/12/2024.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xét xử đối với các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S.

Tuyên bố bị cáo Lê Quang K phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Văn S phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

- Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Quang K 09 (Chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 27/12/2023);

- Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Văn S 08 (T5) năm 06 (S1) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Trần Văn S chấp hành hình phạt chung của hai tội là 10 (Mười) năm 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù của Bản án số 83/2024/HS-ST ngày 12/8/2024 của Toà án nhân dân huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, buộc Trần Văn S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 20 (Hai mươi) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/3/2024).

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ninh Văn H, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 62/2024/HS - ST ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tam Dương về hình phạt đối với bị cáo Ninh Văn H.

Tuyên bố bị cáo Ninh Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt Ninh Văn H 08 (tám) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 22/9/2023).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội:

Các bị cáo Lê Quang K, Trần Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Tam Dương;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện Tam Dương;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Mạnh